

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*-----  
Bản án số: **194/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 18/6/2020  
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.*

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Nguyễn Tấn Đạt.**

**2. Bà Huỳnh Thị Tổ.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 472/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Trần Thị Th**, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn O, huyện S, tỉnh G.

**- Bị đơn: Huỳnh Thanh T**, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Th trình bày:* Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn O, huyện S, tỉnh G. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2013, thì phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, thường hay uống rượu về kiếm chuyện chửi chị. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến năm 2018, chị có làm đơn xin ly hôn. Sau đó, anh T năn nỉ nên chị rút đơn lại cho anh T thêm cơ hội để sửa đổi tính tình. Vợ chồng trở lại chung sống khoảng 3 tháng thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do anh T không thay đổi tính tình. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đang sống với anh T. Ly hôn chị Th yêu cầu giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh Huỳnh Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, chị Th được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao anh T tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn O, huyện S, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 09/02/2011 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 09/3/2020, chị Th có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T do anh T cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, thường hay uống rượu về kiểm chuyện chửi chị. Chị đã cho anh T cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình. Cho nên, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị Th không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Hơn nữa, từ khi chị Th xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh T muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị Th yêu cầu giao cháu Hiền cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng chị Th ly thân đến nay, cháu H sống với anh T ổn định và anh T cũng không đến Tòa trình bày ý kiến về con chung. Do đó, yêu cầu của chị Th là có cơ sở, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Hiền cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T

cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\*Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Th.

+ Chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

- Về con chung: Giao anh T tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 47208 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị Th đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

**\*Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND thị trấn O, huyện S, tỉnh G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thúy An**